REV.	CHANG DESCRIPTION	BY	DATE
A	NEW RELEASE	MW	251201

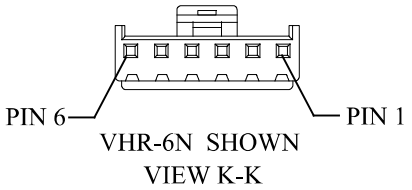

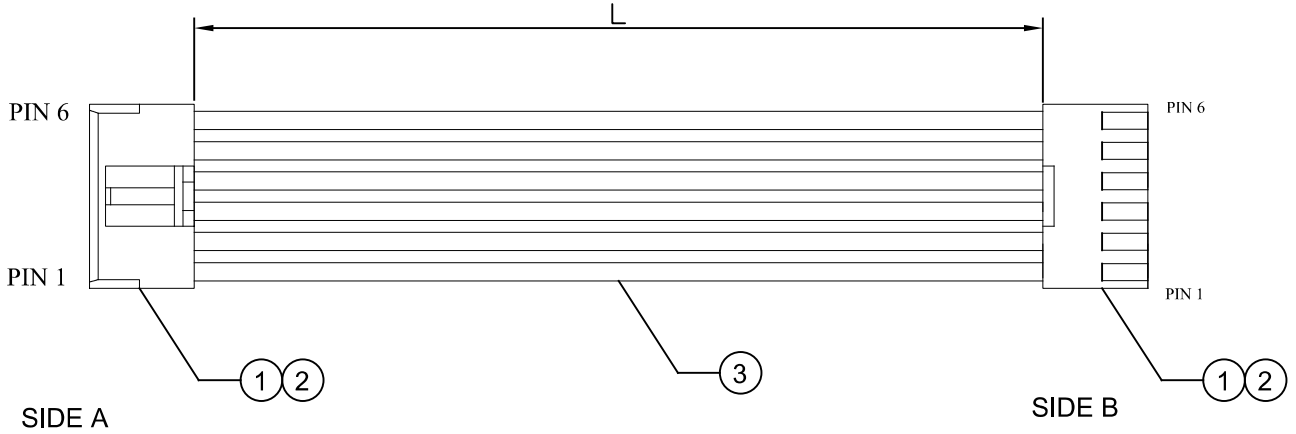

CKTS	ASS'Y P/N	L(MM)	Tolerance	HSG P/N	CKTS	ASS'Y P/N	L(MM)	Tolerance	HSG P/N
2	CB020402-021	100	±3	VHR-2N	8	CB020402-081	100	±3	VHR-8N
2	CB020402-022	200	±4	VHR-2N	8	CB020402-082	200	±4	VHR-8N
2	CB020402-023	300	±4	VHR-2N	8	CB020402-083	300	±4	VHR-8N
2	CB020402-024	500	±5	VHR-2N	8	CB020402-084	500	±5	VHR-8N
2	CB020402-025	1000	±5	VHR-2N	8	CB020402-085	1000	±5	VHR-8N
2	CB020402-026	150	±3	VHR-2N	8	CB020402-086	150	±3	VHR-8N
3	CB020402-031	100	±3	VHR-3N	9	CB020402-091	100	±3	VHR-9N
3	CB020402-032	200	±4	VHR-3N	9	CB020402-092	200	±4	VHR-9N
3	CB020402-033	300	±4	VHR-3N	9	CB020402-093	300	±4	VHR-9N
3	CB020402-034	500	±5	VHR-3N	9	CB020402-094	500	±5	VHR-9N
3	CB020402-035	1000	±5	VHR-3N	9	CB020402-095	1000	±5	VHR-9N
3	CB020402-036	150	±3	VHR-3N	9	CB020402-096	150	±3	VHR-9N
4	CB020402-041	100	±3	VHR-4N	10	CB020402-101	100	±3	VHR-10N
4	CB020402-042	200	±4	VHR-4N	10	CB020402-102	200	±4	VHR-10N
4	CB020402-043	300	±4	VHR-4N	10	CB020402-103	300	±4	VHR-10N
4	CB020402-044	500	±5	VHR-4N	10	CB020402-104	500	±5	VHR-10N
4	CB020402-045	1000	±5	VHR-4N	10	CB020402-105	1000	±5	VHR-10N
4	CB020402-046	150	±3	VHR-4N	10	CB020402-106	150	±3	VHR-10N
5	CB020402-051	100	±3	VHR-5N	11	CB020402-111	100	±3	VHR-11N
5	CB020402-052	200	±4	VHR-5N	11	CB020402-112	200	±4	VHR-11N
5	CB020402-053	300	±4	VHR-5N	11	CB020402-113	300	±4	VHR-11N
5	CB020402-054	500	±5	VHR-5N	11	CB020402-114	500	±5	VHR-11N
5	CB020402-055	1000	±5	VHR-5N	11	CB020402-115	1000	±5	VHR-11N
5	CB020402-056	150	±3	VHR-5N	11	CB020402-116	150	±3	VHR-11N
6	CB020402-061	100	±3	VHR-6N					
6	CB020402-062	200	±4	VHR-6N					
6	CB020402-063	300	±4	VHR-6N					
6	CB020402-064	500	±5	VHR-6N					
6	CB020402-065	1000	±5	VHR-6N					
6	CB020402-066	150	±3	VHR-6N					
7	CB020402-071	100	±3	VHR-7N					
7	CB020402-072	200	±4	VHR-7N					
7	CB020402-073	300	±4	VHR-7N					
7	CB020402-074	500	±5	VHR-7N					
7	CB020402-075	1000	±5	VHR-7N					
7	CB020402-076	150	±3	VHR-7N					

WIRE CHART:

SIDE A		SIDE B	Housing P/N
PIN 1	Red	PIN 1	
PIN 2	Black	PIN 2	VHR-2N
PIN 3	Yellow	PIN 3	VHR-3N
PIN 4	Green	PIN 4	VHR-4N
PIN 5	Blue	PIN 5	VHR-5N
PIN 6	White	PIN 6	VHR-6N
PIN 7	Orange	PIN 7	VHR-7N
PIN 8	Gray	PIN 8	VHR-8N
PIN 9	Purple	PIN 9	VHR-9N
PIN 10	Brown	PIN 10	VHR-10N
PIN 11	Red	PIN 11	VHR-11N

REMARK:

1) ROHS 2.0 COMPLIANT.
2) MEET IPC-620 SPECIFICAITON.

S/N	Q'TY	UNIT	DESCRIPTION
3	AR	M	UL1007 Hook Wire, 300V,80°C, 18AWG
2	2N	PCS	3.96 Pitch, VH Family Terminal, JST: SVH-411T-P1.1
1	2	PCS	3.96 Pitch, VH Series Housing, N Type, JST: VHR-XXN

GENERAL TOLERANCE UNLESS SPECIFIED:
0 PLC ± 1.27
1 PLC ± 0.50
2 PLC ± 0.13
3 PLC ± 0.03
4 PLC ± 0.002
ANGLES ±3°

APPROVED	P/N:	CONBEONE
RW	SEE TABLE	www.conbeone.com
CHECKED	DOC#	TITLE: 3.96MM PITCH WIRE HARNESS JST VH ,DUAL ENDS TYPE B, TYPE CDB
CT	SD-CB020402	
DRAWN	CUSTOMER COPY	
MW		

SIZE	UNIT	SCALE	PAGE	REV
A4	MM	N.T.S	1 OF 1	A

THE DRAWING IS A CONTROLLED DOCUMENT FOR DONGGUAN CONBEONE TECHNOLOGY CO., LTD. IT IS SUBJECT TO CHANGE AND THE SEMPER ENGINEERING CONTROLLING ORGANIZATION SHOULD BE CONTACTED FOR LATEST REVISION